

**THE LIST OF STUDENTS FOR VERY GOOD TYPE 1ST SEMESTE SCHOLARSHIP
 ACADEMIC YEAR 2021-2022**

No	Student Code	Name		Class	Cum GPA (Band 10)	Cum GPA (Band 4)	Scholarship Value (in VND)
01	07PPR110001	Phan Thi My	Ai	K7LHD	8.47		3,000,000
02	08GEO110008	Ngo Minh	Truong	K8ĐC-ĐVD	8.83		3,000,000
03	08GEO110005	Tran Thi	Nhung	K8ĐC-ĐVD	8.80		3,000,000
04	08GEO110001	Lam Vũ Van	Anh	K8ĐC-ĐVD	8.27		3,000,000
05	08GEO110002	Nguyen Anh	Hao	K8ĐC-ĐVD	8.25		3,000,000
06	08PET110063	Đuong Tu	Quyên	K8KKT	8.35		3,000,000
07	08PPR110014	Ngo Chau Vi	Khang	K8LHD	8.45		3,000,000
08	08PPR110019	Nguyen Hong	Phuc	K8LHD	8.17		3,000,000
09	08PPR110018	Le Văn	Long	K8LHD	8.08		3,000,000
10	08PPR110029	Phan Trung	Tien	K8LHD	8.06		3,000,000
11	09GEO110004	Le Hoang	Nam	K9GE	8.49		3,000,000
12	09PET110062	Nguyen Huu	Loc	K9PE	8.44		3,000,000
13	09PET110072	Nguyen Văn Hoai	Thuong	K9PE	8.14		3,000,000
14	09PPR110004	Phạm Đình	Hai	K9CE	8.54		3,000,000
15	09PPR110010	Le Phuc Bao	Nguyen	K9CE	8.10		3,000,000
16	09PPR110016	Nguyen Tuan	Tai	K9CE	8.00		3,000,000
17	10PET110035	Le Viet	Thanh	K10C		3.2	3,000,000
18	07PET110060	Thieu Kieu	Anh	K7KKT	9.15		3,000,000
19	07PET110073	Nguyen Thanh	Tien	K7KKT	8.92		3,000,000
20	07PET110076	Tran My	Xuyen	K7KKT	8.90		3,000,000
21	07PET110062	Nguyen Thi Phuong	Đào	K7KKT	8.89		3,000,000
22	07PET110064	Tieu Thi Bao	Han	K7KKT	8.78		3,000,000
23	07PET110068	Nguyen Huu	Khai	K7KKT	8.73		3,000,000
24	06PET110077	Le Bao	Qui	K7KKT	8.64		3,000,000
25	07PET110061	Nguyen Văn	Canh	K7KKT	8.33		3,000,000
26	07PET110067	Truong Hoang	Kha	K7KKT	8.23		3,000,000
27	07PET110066	Chau Tan	Huy	K7KKT	8.12		3,000,000

No	Student Code	Name	Class	Cum GPA (Band 10)	Cum GPA (Band 4)	Scholarship Value (in VND)
28	07PPR110035	Che Ngọc Trung	K7LHD	8.24		3,000,000
Total						84,000,000